TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02/6/2020.
Về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Hùng.

2. Bà Lê Thị Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Chị Phạm Thị Thùy M**, sinh năm 1994;

HKTT: Số , tổ , ấp PT, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TBA, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang. (Có mặt).

** Bị đơn:* **Anh Nguyễn Ngọc D,** sinh năm 1989;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Số , tổ , ấp PT, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang. (Có mặt).

NỘI M VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy M trình bày như sau*: Chị và anh Nguyễn Ngọc D kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân do mai mối, sau thời gian tìm hiểu tiến tới tổ chức lễ cưới, đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh chị. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 11/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống

với nhau tại nhà cha mẹ ruột của anh D tại ấp PT, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang. Đến năm 2015, vợ chồng cất nhà ở riêng tại ấp ấp PT, thị trấn PH, huyện TS.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng 6/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân tới nay. Sau khi ly thân, chị về sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp TBA, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang và chị có gởi đơn khởi kiện ly hôn tới Tòa. Nhưng vì hai con nên chị đã rút đơn khởi kiện lại để cho anh D thay đổi và lo cho tương lai con cái. Sau khi rút đơn khởi kiện thì chị vẫn sống tại nhà cha mẹ ruột tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ngoài ra, do anh D ghen tuông vô cớ và tát chị 1 cái vô mặt, đuổi chị ra khỏi nhà. Thời gian ly thân, chị nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị lại nộp đơn khởi kiện và yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Nguyễn P. G. H., sinh ngày 25/10/2013 và Nguyễn P. G. P, sinh ngày 13/9/2015. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và đồng ý giao cháu P cho anh D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định giữa chị và anh D không có nợ chung.

** Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc D trình bày như sau:*

Anh thống nhất lời trình bày của chị M về điều kiện đi đến hôn nhân. Hôn nhân của anh chị là do mai mối, sau đó 2 vợ chồng tìm hiểu được 7, 8 tháng thì tự nguyện đi tới tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp ấp PT, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang. Đến năm 2015, vợ chồng cất nhà ở riêng tại ấp ấp PT, thị trấn PH, huyện TS. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc, có cự cãi qua lại nhưng không lớn. Nguyên nhân cự cãi là do vợ nói không nghe, chủ yếu những chuyện nhỏ hằng ngày. Vào khoảng tháng 6/2019, anh phát hiện chị M có nhắn tin trên facebook với người khác với những lời lẻ tình cảm. Lúc phát hiện anh hỏi chị thì chị không trả lời nên trong lúc nóng giận anh có tát chị 1 cái và chị bỏ nhà đi tới nay. Hiện nay, anh vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Nguyễn P. G. H., sinh ngày 25/10/2013 và Nguyễn P. G. P, sinh ngày 13/9/2015. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu H cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định giữa anh và chị M không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị M và anh D trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị M và anh D không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

* Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị M với anh D tại ban ấp TBA, xã VC, huyện TS; tại Ban ấp Nguyễn P. G. H., sinh ngày 25/10/2013 và Nguyễn P. G. P, sinh ngày 13/9/2015 và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị M và anh D tại nhà của bà Phạm T.A.N, có nhà kế bên nhà cha mẹ ruột của chị M, tọa lạc ấp TBA, xã VC, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Kết quả xác minh thể hiện anh D và chị M là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân địa phương không biết rõ. Hiện nay, anh D và chị M đã ly thân, không còn sống chung với nhau nữa.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao cháu H cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu P cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị M yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn và kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thùy M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D. Anh D cư trú trên địa bàn huyện TS. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội M:

[2.1] Về hôn nhân: Qua mai mối, sau một thời gian tìm hiểu, chị M và anh D kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH ngày 11/07/2012 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Nay vợ chồng chị M và anh D phát sinh mâu thuẫn, chị M xin ly hôn nên Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa chị M và anh D thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau. Chị M và anh D xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Vào tháng 8/2019, chị M có gởi đơn khởi kiện ly hôn tới Tòa án nhân dân huyện TS nhưng sau đó vì con, vì hạnh phúc gia đình nên chị M rút lại đơn khởi kiện (theo Quyết định đình chỉ số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn). Thời gian ly thân tới nay giữa chị M và anh D vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên chị M tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh D. Từ tháng 6/2019 tới nay, hai vợ chồng chị M và anh D vẫn duy trì trạng thái ly thân. Thời gian qua Tòa án có tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng anh chị cũng không gặp nhau để trao đổi, bàn bạc tìm ra biện pháp hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và anh chị cũng không nhờ người thân hòa giải cho vợ chồng hàn gắn. Hiện nay, anh D vẫn còn thương vợ, thương con nên yêu cầu được đoàn tụ.

Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại và không muốn sống chung lại nữa, mặc dù đã có thời gian để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng phía chị M đã cương quyết ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị M là được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung:

Chị M và anh D thỏa thuận thống nhất trường hợp ly hôn, chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn P.G.H, sinh ngày 25/10/2013, anh D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn P.G.P, sinh ngày 13/9/2015. Việc thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của chị M và anh D là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị M và anh D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị M và anh D phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh D không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thùy M được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71/2012, quyển số I/2012 do Uỷ ban nhân dân thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang cấp ngày 11/7/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị M và anh D.

Chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn P.G.H, sinh ngày 25/10/2013. Anh D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn P.G.P, sinh ngày 13/9/2015.

Anh D và chị M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D và chị M không có yêu cầu.

Anh D và chị M phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom và chăm sóc con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thùy M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0000739 ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự tham dự phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang**;**
- VKSND h.TS;
- Chi cục THADS h.TS;
- UBND thị trấn PH;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Thị Vân